

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-KTHT&ĐT ngày /4/2026 của phòng KTHT&ĐT phường Đức Xuân)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	131.541.000	178.645.584,7	47.104.584,7	136%
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI				
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	131.541.000	154.458.373,0	26.613.373,0	117%
I	Chi đầu tư phát triển	12.468.000	16.392.012,6	3.924.012,6	131%
1	Chi đầu tư cho các dự án	12.468.000	14.910.012,6	2.442.012,6	120%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		11.740.944,0	11.740.944,0	
-	Chi các hoạt động kinh tế		3.169.068,6	3.169.068,6	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác		1.482.000,0	1.482.000,0	
II	Chi thường xuyên	115.377.000	137.912.348,9	22.535.348,9	120%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	68.911.319,0	75.608.229,2	6.696.910,2	110%
-	Chi quốc phòng	1.490.579,0	1.477.056,7	-13.522,3	99%
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	712.980,0	641.445,0	-71.535,0	90%
-	Chi văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao	996.000,0	1.101.020,0	105.020,0	111%
-	Chi các hoạt động kinh tế	381.712,0	2.951.918,4	2.570.206,4	773%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	28.564.140,0	49.353.481,0	20.789.341,0	173%
-	Chi bảo đảm xã hội	1.938.014,0	6.716.588,6	4.778.574,6	347%
-	Chi thường xuyên khác	12.382.256,0	62.610,0	-12.319.646,0	1%
III	Dự phòng ngân sách	2.974.000			
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	722.000			
V	Chi nộp ngân sách cấp trên		104.011,5	104.011,5	
VI	Chi hỗ trợ các địa phương khác		50.000,0	50.000,0	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		24.187.211,7	24.187.211,7	